

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-7-2019  
V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Thành Thật

Bà Đoàn Kim Thanh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Bé Thu - Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:* Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2019/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Bà Trần Thị Kim T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: khóm ĐA, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* **Ông Lý Văn H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: khu dân cư TK, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang.

*(Tại phiên tòa có mặt bà T; ông H vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 12/2/2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân đăng ký kết hôn tại UBND phường M và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89/MX, quyền số 0I/2004. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 (một) con chung: Trần Nghĩa Đ, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2004. Hiện cháu Đ đang sống với bà T, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lý Văn H không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T, vắng mặt trong quá trình tố tụng.*

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà T tranh chấp về ly hôn, nuôi con với ông H, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lý Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự đối với vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên phải tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Tòa án đã tiến hành biện pháp xác minh là phù hợp quy định pháp luật.

## **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Hôn nhân giữa bà T và ông H xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89/MX ngày 18/5/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với căn cứ vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, xuất phát từ sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thiếu chia sẻ, cảm thông, vợ chồng đã không còn sống chung một thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không có ý kiến phản bác lại yêu cầu của bà T, cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải và xét xử, điều này đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

## **[3] Về quan hệ con chung:**

Có 01 (một) con chung: Trần Nghĩa Đ, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2004. Hiện cháu Đ đang sống với bà T, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, ông H không có ý kiến tranh chấp về con chung, cháu Đ cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với bà T. Do đó cần sự ổn định cuộc sống của cháu nên để bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến, khi có yêu cầu giải quyết thành vụ án khác.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 208; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

### **Tuyên xử:**

## **[1] Về quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T. Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Lý Văn H.

**[2] Về quan hệ con chung:**

Có 01 (một) con chung: Trần Nghĩa Đ, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2004. Bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

**[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0002878 ngày 05/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

**Nơi nhận:**

- Các đương sự “Đề thi hành”;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**Nguyễn Minh Quốc Việt**